

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – ĐỀ 5**MÔN: TIẾNG ANH 5 ILEARN SMART START****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiai hay.com****I. Listen and choose correct answers.****Bài nghe:**

1.

Girl: What are you doing?

Boy: I'm baking a cake.

Girl: Oh, it looks delicious! Will you be a baker in the future, Jack?

Boy: No, I won't. I want to be a chef in the future.

2.

Boy: Oh, Olivia. This picture is beautiful!

Girl: Thanks, Tom.

Boy: Will you be an artist in the future?

Girl: Yes, I will. I love painting.

3.

Girl: Wow! There are so many photos of animals in your room.

Boy: Yeah, Emma.

Girl: Harry, will you be a zookeeper in the future?

Boy: No, I won't. I don't like working in the zoo. I want to be a scientist.

4.

Boy: Wow! You are playing the piano. The music is so beautiful, Betty!

Girl: Thanks, Nick.

Boy: Will you be a piano player in the future?

Girl: No, I won't. I want to be a singer.

Tạm dịch:

1.

Bạn nữ: Bạn đang làm gì vậy?

Bạn nam: Mình đang nướng bánh.

Bạn nữ: Ô, trông ngon quá! Jack, sau này bạn sẽ làm thợ làm bánh à?

Bạn nam: Không đâu. Mình muốn trở thành đầu bếp trong tương lai.

2.

Bạn nam: Ôi, Olivia. Bức tranh này đẹp quá!

Bạn nữ: Cảm ơn bạn nhé, Tom.

Bạn nam: Sau này bạn sẽ trở thành họa sĩ chứ?

Bạn nữ: Ừ, mình sẽ làm họa sĩ. Mình rất thích vẽ tranh.

3.

Bạn nữ: Wow! Trong phòng bạn có nhiều ảnh động vật thật đấy.

Bạn nam: Ừ đó, Emma.

Bạn nữ: Harry, sau này bạn sẽ làm người chăm sóc sở thú à?

Bạn nam: Không đâu, mình không thích làm việc ở sở thú. Mình muốn trở thành nhà khoa học.

4.

Bạn nam: Wow! Bạn đang chơi piano à. Nhạc hay quá, Betty!

Bạn nữ: Cảm ơn bạn, Nick.

Bạn nam: Sau này bạn sẽ làm nghệ sĩ piano chứ?

Bạn nữ: Không, mình muốn trở thành ca sĩ.

Phương pháp chung:

- Đọc câu hỏi và các phương án.
- Xác định thông tin cần tìm.
- Nghe kĩ bài nghe, chọn ra đáp án đúng.

(Lưu ý những dữ kiện gây nhiễu được đưa ra trong bài nghe. Các em cần nắm chắc thông tin mình cần tìm nhé.)

Lời giải chi tiết:

1. The girl is _____.

(Bạn nữ đang _____.)

A. writing a story

(viết truyện)

B. baking a cake

(nướng bánh)

C. planting a tree

(trồng cây)

Thông tin:

Boy: No, I won't. I want to be a chef in the future.

(Không đâu. Mình muốn trở thành đầu bếp trong tương lai.)

Chọn B

2. The girl wants to be a (an) _____ in the future.

(Bạn nữ muốn trở thành một _____ trong tương lai.)

A. artist (họa sĩ)

B. engineer (kỹ sư)

C. pilot (phi công)

Thông tin:

Boy: Will you be an artist in the future?

(Sau này bạn sẽ trở thành họa sĩ chứ?)

Girl: Yes, I will. I love painting.

(Ừ, mình sẽ làm họa sĩ. Mình rất thích vẽ tranh.)

Chọn A

3. The boy wants to be a (an) _____ in the future.

(Bạn nam muốn trở thành một _____ trong tương lai.)

A. zookeeper (người trông coi vườn thú)

B. scientist (nhà khoa học)

C. chemist (nhà hoá học)

Thông tin:

Boy: No, I won't. I don't like working in the zoo. I want to be a scientist.

(Không đâu, mình không thích làm việc ở sở thú. Mình muốn trở thành nhà khoa học.)

Chọn

4. The girl wants to be a (an) _____ in the future.

(Bạn nữ muốn trở thành một _____ trong tương lai.)

A. singer (ca sĩ)

B. pianist (nghệ sĩ dương cầm)

C. music producer (nhà sản xuất âm nhạc)

Thông tin:

Girl: No, I won't. I want to be a singer.

(Không, mình muốn trở thành ca sĩ.)

Chọn A

III. Choose the correct answers.

1.

Phương pháp giải:

- Dịch câu và các phương án để nắm được ngữ cảnh.

What's the weather like in Ha Noi in summer? – It _____ and _____.

(Thời tiết ở Hà Nội như thế nào vào mùa hè? – Trời _____ và _____.)

- Chọn ra đáp án đúng nhất để điền vào chỗ trống.

Lời giải chi tiết:

A. dry – cold (adj): khô – lạnh => sai, không phải là thời tiết vào mùa đông Hà Nội

B. humid – hot (adj): ẩm – nóng => đúng

C. calm – cool (adj): có gió nhẹ - mát mẻ => sai, không phải là thời tiết vào mùa đông Hà Nội

Câu hoàn chỉnh: What's the weather like in Ha Noi in summer? – It **humid** and **hot**.)

(Thời tiết ở Hà Nội như thế nào vào mùa hè? – Trời ẩm và nóng nực.)

Đáp án: B

2.

Phương pháp giải:

- Từ cần điền vào chỗ trống là một lượng từ.

- Xác định từ phía sau chỗ trống là danh từ số ít hay số nhiều, đếm được hay không đếm được.

Lời giải chi tiết:

Sunshine (n): ánh nắng mặt trời => đây là danh từ không đếm được

A. many: nhiều => sai, vì đây là lượng từ chỉ dùng được với danh từ đếm được số nhiều

B. a lot of: nhiều => đúng, đây là lượng từ dùng được cho cả danh từ đếm được và không đếm được

C. a: một => sai, vì đây là lượng từ chỉ dùng được với danh từ đếm được số ít

Câu hoàn chỉnh: There will be **a lot of** sunshine, so I'm going to visit the water park.

(Có rất nhiều ánh nắng, vậy nên tôi sẽ đến thăm công viên nước.)

Đáp án: B

3.

Phương pháp giải:

- Dịch câu và các phương án để nắm được ngữ cảnh.

I enjoy baking so I want to be a _____ in the future.

(Tôi rất thích nướng bánh, vậy nên tôi muốn trở thành một _____ trong tương lai.)

- Chọn ra đáp án đúng nhất để điền vào chỗ trống.

Lời giải chi tiết:

A. writer (n): nhà văn

B. baker (n): nghệ nhân làm bánh

C. vet (n): bác sĩ thú y

Câu hoàn chỉnh: I enjoy baking so I want to be a **baker** in the future.

(Tôi rất thích nướng bánh, vậy nên tôi muốn trở thành một nghệ nhân làm bánh trong tương lai.)

Đáp án: B

4.

Phương pháp giải:

Từ cần điền vào chỗ trống là một giới từ chỉ địa điểm. Xem xét danh từ phía sau giới từ để chọn ra đáp án đúng.

Lời giải chi tiết:

A. at (prep.): ở => sai, vì đây là giới từ dùng cho các địa điểm cụ thể, có quy mô nhỏ (như “restaurant”, “airport”,...)

B. in (prep.): ở => đúng, đây là giới từ dùng cho các địa điểm lớn, có quy mô lớn (như tỉnh thành, đất nước,...)

C. about (prep.): về => sai, không phù hợp về nghĩa

Câu hoàn chỉnh: What's the weather like **in** New York in the winter?

(Thời tiết ở New York vào mùa đông như thế nào?)

Đáp án: B

5.

Phương pháp giải:

Dịch câu và phân tích các đáp án để chọn ra đáp án đúng nhất.

“What jobs will people do in the future?” – “I think many people will be _____.”

(Mọi người sẽ làm nghề gì trong tương lai?” – Tôi nghĩ mọi người sẽ trở thành _____.)

Lời giải chi tiết:

Nhận thấy chủ ngữ “people” trong mệnh đề “Many people will be _____” là một danh từ số nhiều. Vậy nên tân ngữ cần điền vào chỗ trống phải là một danh từ số nhiều.

A. scientist (n): nhà khoa học => sai, đây là danh từ số ít

B. a scientist (n): một nhà khoa học => sai, đây là danh từ số ít

C. scientists (n): những nhà khoa học => đúng, đây là danh từ số nhiều

Câu hoàn chỉnh: “What jobs will people do in the future?” – “I think many people will be **scientists**.”

(Mọi người sẽ làm nghề gì trong tương lai?” – Tôi nghĩ mọi người sẽ trở thành những nhà khoa học.)

Đáp án: C

IV. Read and choose True or False.

I’m George. Today we learned about many jobs in the future. My friends and I want to do different jobs. Nick loves art and he is very good at painting. We think he will be an artist. He often says that it is a great job. Sophia also loves art, but she is not good at painting. She is good at singing. Many friends think she will be a singer, but she wants to be a writer. Sophia always tells us that she hopes she can write many funny and nice stories.

Tạm dịch:

Mình là George. Hôm nay, bọn mình đã học về nhiều nghề nghiệp trong tương lai. Mình và các bạn ai cũng muốn làm những công việc khác nhau. Nick rất yêu nghệ thuật và vẽ rất giỏi. Bọn mình nghĩ cậu ấy sẽ trở thành một họa sĩ. Cậu ấy thường nói rằng đó là một công việc tuyệt vời. Sophia cũng yêu nghệ thuật, nhưng cô ấy không giỏi vẽ. Thay vào đó, cô ấy hát rất hay. Nhiều bạn nghĩ rằng Sophia sẽ trở thành ca sĩ, nhưng cô ấy lại muốn làm nhà văn. Sophia luôn nói với bọn mình rằng cô ấy hy vọng có thể viết được nhiều câu chuyện vui nhộn và ý nghĩa.

Phương pháp chung:

- Đọc và nắm được nội dung các câu hỏi, gạch chân dưới những từ khoá (là những từ mà chỉ cần khác đi một chút thì nghĩa của câu sẽ thay đổi hoàn toàn).
- Đọc kĩ bài đọc, tập trung vào những thông tin đã gạch chân.

- Chọn đúng/sai cho từng câu.

Lời giải chi tiết:

1. Nick can paint.

(Nick có thể vẽ.)

Thông tin: Nick loves art and he is very good at painting.

(Nick rất yêu nghệ thuật và vẽ rất giỏi.)

Chọn True

2. George and his friends think Nick will be a designer.

(George và bạn bè nghĩ rằng Nick sẽ trở thành một nhà thiết kế.)

Thông tin: We think he will be an artist.

(Bọn mình nghĩ cậu ấy sẽ trở thành một họa sĩ.)

We = George and his friends

Chọn True

3. Nick says that being an artist is a great job.

(Nick nói rằng họa sĩ là một công việc tuyệt vời.)

Thông tin: He often says that it is a great job.

(Cậu ấy thường nói rằng đó là một công việc tuyệt vời.)

He = Nick

It = being an artist

Chọn True

4. Sophia is good at painting.

(Sophia vẽ rất giỏi.)

Thông tin: Sophia also loves art, but she is not good at painting.

(Sophia cũng yêu nghệ thuật, nhưng cô ấy không giỏi vẽ.)

Chọn False

5. Sophia wants to be a writer.

(Sophia muốn trở thành một nhà văn.)

Thông tin: Many friends think she will be a singer, but she wants to be a writer.

(Nhiều bạn nghĩ rằng Sophia sẽ trở thành ca sĩ, nhưng cô ấy lại muốn làm nhà văn.)

She = Sophia

Chọn True

V. Make correct sentences, using clues given.**Phương pháp giải:**

- Dịch những từ đề bài cho và xem chúng có thể tạo thành cấu trúc gì.
- Áp dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học, thêm và biến đổi các từ đã có để tạo thành câu đúng.
- Kiểm tra ngữ pháp.

Lời giải chi tiết:

1. Will / you / an actor / the future / ?

(Sẽ / bạn / một phi hành gia / tương lai / ?)

Cấu trúc câu hỏi Yes/No ở thì tương lai đơn với động từ to be:

Will + chủ ngữ + be + tân ngữ?

Câu hoàn chỉnh: Will you be an actor in the future?

(Bạn sẽ trở thành một phi diễn viên trong tương lai chứ?)

2. What / people / Viet Nam / usually / eat / breakfast / ?

(Cái gì / người / Việt Nam / thường / ăn / bữa sáng / ?)

- Dựa vào “usually” nên có thể xác định được đây là một câu hỏi Wh ở thì hiện tại đơn với động từ thường.

Câu hoàn chỉnh: What do people in Viet Nam usually eat for breakfast?

(Mọi người ở Việt Nam thường ăn gì cho bữa sáng?)

3. We / going / plant / some / plants / next Sunday/ .

(Chúng tôi / sẽ / trồng / vài / cái cây / Chủ Nhật tuần sau / .)

Dựa vào “going” và “next Sunday” nên có thể nhận ra đây là một câu ở thì tương lai gần với động từ thường. Ta có cấu trúc:

Chủ ngữ + am/is/are + going to + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Câu hoàn chỉnh: We are going to plant some plants next Sunday.

(Chúng tôi sẽ trồng ít cây vào Chủ Nhật tuần sau.)